

BỘ Y TẾ  
BỆNH VIỆN THỐNG NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2405 /BVTN-TMS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 11 năm 2025

V/v mời tham gia thực hiện gói thầu XL-TB 01/TTSH Xây lắp và thiết bị đi kèm phần xây lắp thuộc công trình “Trung tâm nghiên cứu Tương đương sinh học và Thử nghiệm lâm sàng Thống Nhất”

Kính gửi: Các Nhà thầu thi công xây dựng.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, Luật Nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 4609/QĐ-BYT ngày 07/10/2019 của Bộ Y tế về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Thống Nhất;

Căn cứ Quyết định số 1748/QĐ-BVTN ngày 29/9/2025 của Bệnh viện Thống Nhất về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình “Trung tâm nghiên cứu Tương đương sinh học và Thử nghiệm lâm sàng Thống Nhất”;

Căn cứ Quyết định số 2034/QĐ-BVTN ngày 11/11/2025 của Bệnh viện Thống Nhất về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình “Trung tâm nghiên cứu Tương đương sinh học và Thử nghiệm lâm sàng Thống Nhất”;

Bệnh viện Thống Nhất đang thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu gói thầu XL-TB 01/TTSH Xây lắp và thiết bị đi kèm phần xây lắp thuộc công trình “Trung tâm nghiên cứu Tương đương sinh học và Thử nghiệm lâm sàng Thống Nhất”. Hiện nay Bệnh viện có nhu cầu thực hiện một số gói thầu như sau:

**1. Khái quát về công trình:**

a. Thông tin công trình

- Tên công trình: Trung tâm nghiên cứu Tương đương sinh học và Thử nghiệm lâm sàng Thống Nhất;

- Địa điểm xây dựng: Số 1 Lý Thường Kiệt, phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh.

b. Chủ đầu tư

- Bệnh viện Thống Nhất.

- Địa chỉ: Số 1 Lý Thường Kiệt, phường Tân Sơn Nhất, TP. Hồ Chí Minh.

c. Loại và cấp công trình

- Nhóm C; Công trình dân dụng, cấp III

d. Quy mô đầu tư xây dựng

Cải tạo khu vực tầng 2 khu nhà K với diện tích sàn khoảng 400m<sup>2</sup> thành khu nhà làm việc của Trung tâm nghiên cứu Tương đương sinh học và Thử nghiệm lâm sàng Thống Nhất. Quy mô cải tạo gồm các nội dung chính như sau:

- Làm mới mái công trình với kết cấu cột thép, khung kèo thép hộp tổ hợp, xà gồ thép mạ kẽm, mái lợp tôn có lớp PU chống nóng, máng xối inox;

- Kết cấu bao che, vách ngăn phòng bằng tấm panel EPS dày 75mm; vách ngăn nhà vệ sinh tấm compact;

- Phá dỡ lớp vữa láng nền hiện trạng, láng vữa tạo phẳng, lát gạch các phòng, hành lang bằng gạch 600x600; chống thấm, lát gạch nhà vệ sinh bằng gạch 300x600 chống trượt;

- Trần thạch cao khung nổi, tấm thạch cao phủ nhựa 600x600;

- Làm mới hệ thống điện, cấp thoát nước, điều hòa không khí, thông gió, phòng cháy chữa cháy, thông tin liên lạc phù hợp với nhu cầu hoạt động của trung tâm, phù hợp với các quy định hiện hành;

- Các nội dung cải tạo khác (làm mới cầu thang sắt, lan can...) đồng bộ, đảm bảo hoạt động của công trình.

## **2. Các yêu cầu về việc thực hiện gói thầu XL-TB 01/TTSH Xây lắp và thiết bị đi kèm phần xây lắp**

### **a. Phạm vi công việc:**

- Nhà thầu thực hiện việc thi công xây dựng công trình theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được mô tả trong báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình được Chủ đầu tư chấp thuận và biên bản đàm phán hợp đồng, đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thỏa thuận khác trong hợp đồng.

- Nội dung và khối lượng công việc của hợp đồng thi công xây dựng được quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và có thể bao gồm toàn bộ hoặc một số công việc sau:

+ Bàn giao và tiếp nhận, quản lý mặt bằng xây dựng, tiếp nhận và bảo quản tim, cốt, mốc giới công trình;

+ Cung cấp vật liệu xây dựng, nhân lực, máy và thiết bị thi công để thi công xây dựng công trình theo hợp đồng;

+ Thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt và quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành;

+ Thực hiện trắc đạc, quan trắc công trình theo yêu cầu thiết kế. Thực hiện thí nghiệm, kiểm tra chạy thử đơn động và chạy thử liên động theo kế hoạch trước khi đề nghị nghiệm thu;

+ Kiểm soát chất lượng công việc xây dựng và lắp đặt thiết bị; giám sát thi công xây dựng công trình đối với công việc xây dựng do Nhà thầu phụ thực hiện trong trường hợp là Nhà thầu chính hoặc tổng thầu;

- + Xử lý, khắc phục các sai sót, khiếm khuyết về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng (nếu có);
- + Thí nghiệm kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng;
- + Thực hiện nghiệm thu công việc chuyển bước thi công, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng;
- + Thực hiện các công tác bảo đảm an toàn, bảo vệ và vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ;
- + Bảo vệ công trường, mặt bằng thi công trong phạm vi hợp đồng thi công;
- + Thực hiện các công tác bảo đảm an ninh trật tự cho khu vực công trường;
- + Hợp tác với các Nhà thầu khác trên công trường (nếu có);
- + Thu dọn công trường và bàn giao sản phẩm xây dựng sau khi hoàn thành;
- + Các công việc khác trong quá trình thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận của hợp đồng, các tài liệu kèm theo hợp đồng và quy định của pháp luật.
- Phạm vi công việc thực hiện đối với hợp đồng thi công xây dựng: Là việc cung cấp vật liệu xây dựng, nhân lực, máy và thiết bị thi công và thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

**b. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của hợp đồng thi công xây dựng**

Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của hợp đồng thi công xây dựng quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP như sau:

- Công trình phải được thi công theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được nêu trong hồ sơ mời thầu (hoặc hồ sơ yêu cầu) phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định về chất lượng công trình, xây dựng của nhà nước có liên quan; Nhà thầu phải có sơ đồ và thuyết minh hệ thống quản lý chất lượng thi công, giám sát chất lượng thi công của mình.

- Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. Các kết quả thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định.

- Nhà thầu đảm bảo vật tư, thiết bị được cung cấp có nguồn gốc xuất xứ như quy định của hồ sơ hợp đồng.

**c. Thời gian thực hiện, giá gói thầu**

- Thời gian thực hiện gói thầu: Thời gian thực hiện gói thầu do Nhà thầu chào nhưng tối đa không quá 30 ngày.

- Giá gói thầu:

+ Nhà thầu chào giá trên cơ sở hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, bảng khối lượng mời thầu đính kèm.

+ Giá dự thầu: Giá dự thầu do Nhà thầu chào nhưng tối đa không vượt quá 1.895.723.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, tám trăm chín mươi lăm triệu, bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng./.).

**d. Yêu cầu về hồ sơ chào giá, năng lực, kinh nghiệm:**

**❖ Thành phần hồ sơ chào giá**

Nhà thầu tham gia chào giá nộp các tài liệu gồm:

- Đơn dự thầu;
- Bảng giá dự thầu;

- Bảng đề xuất chủng loại vật tư (với thông số kỹ thuật phù hợp theo hồ sơ thiết kế, đảm bảo vật tư, thiết bị được cung cấp có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, phù hợp theo quy định của pháp luật hiện hành);

- Bản cam kết của nhà thầu khi tham gia dự thầu: Có cam kết những tài liệu Nhà thầu cung cấp nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu và tính hợp lệ, sự phù hợp (đáp ứng) của hàng hóa, dịch vụ liên quan chào thầu đảm bảo tính trung thực, hợp lệ theo các quy định của pháp luật;

- Báo cáo tài chính 03 năm gần nhất;

- Tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm mời chào giá;

- Các hồ sơ chứng minh về năng lực, kinh nghiệm hợp đồng tương tự;

- Thuyết minh biện pháp thi công, giải pháp kỹ thuật, bảng tiến độ thi công phù hợp theo yêu cầu của thư mời chào giá;

- Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

**❖ Yêu cầu năng lực của Nhà thầu tham gia:**

- Yêu cầu về năng lực tài chính: Doanh thu bình quân hằng năm từ hoạt động xây dựng (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 2.632.948.611 đồng;

- Yêu cầu về năng lực kinh nghiệm: Nhà thầu có

+ Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng: Thi công công tác xây dựng công trình dân dụng hạng III trở lên còn hiệu lực (nếu có).

+ Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng: Thi công công tác lắp đặt thiết bị công trình hạng III trở lên còn hiệu lực (nếu có).

Hoặc;

+ Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng: Thi công xây dựng công trình dân dụng hạng III trở lên còn hiệu lực (nếu có).

+ Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng: Thi công xây dựng công trình dân dụng hạng III trở lên còn hiệu lực (nếu có).

- Yêu cầu về hợp đồng tương tự:

+ Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm mời chào giá, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn tối thiểu 02 công trình có: loại kết cấu các hạng mục tương tự với gói thầu đang xét, cấp III trở lên. Trong đó ít nhất 01 công trình có giá trị là: 947.861.500 đồng.

+ Tài liệu chứng minh gồm hợp đồng (nếu có), bảng giá và các tài liệu khác liên quan đến hợp đồng; biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình/hạng mục công trình hoặc biên bản bàn giao đưa công trình vào sử dụng hoặc xác nhận của Chủ đầu tư về công trình/hạng mục công trình hoàn thành; tài liệu chứng minh giá trị hoàn thành hợp đồng; hóa đơn giá trị gia tăng; tài liệu chứng minh cấp công trình.

- Yêu cầu về nhân sự chủ chốt:

| STT | Vị trí công việc | Số lượng | Kinh nghiệm trong các công việc tương tự | Chứng chỉ, trình độ chuyên môn          |
|-----|------------------|----------|------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1   | Chỉ huy          | 01       | Tối thiểu 02                             | 1. Có bằng đại học trở lên thuộc chuyên |

|   |                                             |    |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|---|---------------------------------------------|----|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   | trưởng công trình                           |    | năm hoặc 01 hợp đồng              | <p>ngành xây dựng dân dụng hoặc kỹ thuật xây dựng hoặc kiến trúc hoặc chuyên ngành kỹ thuật có liên quan đến xây dựng công trình hoặc tương đương;</p> <p>2. Có giấy chứng nhận huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động còn thời hạn;</p> <p>3. Có căn cước công dân còn thời hạn sử dụng theo quy định;</p> <p>4. Có hợp đồng lao động (còn thời hạn) đối với nhà thầu hoặc tài liệu chứng minh nhân sự sẵn sàng cho gói thầu với trường hợp nhân sự không thuộc biên chế nhà thầu;</p> <p>5. Đã từng đảm nhận vị trí, chức danh tương tự thi công hoàn thành tối thiểu 01 công trình có loại kết cấu các hạng mục tương tự với gói thầu đang xét, cấp III trở lên.</p> |
| 2 | Cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công xây dựng | 02 | Tối thiểu 02 năm hoặc 01 hợp đồng | <p>1. Có bằng đại học trở lên thuộc chuyên ngành phù hợp với công việc đảm nhận. Trong đó: Kỹ sư xây dựng dân dụng (chuyên ngành kỹ thuật có liên quan đến công trình dân dụng) <math>\geq</math> 01 người; Kỹ sư điện (chuyên ngành kỹ thuật có liên quan đến hệ thống kỹ thuật điện, điện tử) <math>\geq</math> 01 người.</p> <p>2. Có giấy chứng nhận huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động còn thời hạn;</p> <p>3. Có căn cước công dân còn thời hạn sử dụng theo quy định;</p> <p>4. Có hợp đồng lao động (còn thời hạn) đối với nhà thầu hoặc tài liệu chứng minh nhân sự sẵn sàng cho gói thầu với trường hợp nhân sự không thuộc biên chế nhà thầu;</p>        |
| 4 | Cán bộ phụ trách thanh quyết toán           | 01 | Tối thiểu 02 năm hoặc 01 hợp đồng | <p>1. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kinh tế xây dựng hoặc kế toán hoặc quản lý dự án hoặc xây dựng dân dụng hoặc tương đương;</p> <p>2. Có căn cước công dân còn thời hạn sử dụng theo quy định;</p> <p>3. Có hợp đồng lao động (còn thời hạn) đối với nhà thầu hoặc tài liệu chứng minh nhân sự sẵn sàng cho gói thầu với trường</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

|  |  |  |  |                                            |
|--|--|--|--|--------------------------------------------|
|  |  |  |  | hợp nhân sự không thuộc biên chế nhà thầu; |
|--|--|--|--|--------------------------------------------|

- Yêu cầu về giải pháp kỹ thuật:

| Nội dung yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mức độ đáp ứng                                                                                                                                                                             |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <p>Tổ chức mặt bằng công trường (bao gồm thuyết minh và bản vẽ):</p> <p>a) Công tác chuẩn bị;</p> <p>b) Mặt bằng hiện trạng công trường;</p> <p>c) Tổ chức mặt bằng bố trí công trình gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mặt bằng bố trí lán trại, văn phòng, kho, nhà vệ sinh, bảo vệ, khu vực tập kết rác thải, bãi tập kết vật liệu, giao thông, rào chắn, biển báo;</li> <li>- Mặt bằng thoát nước mặt;</li> <li>- Mặt bằng cấp điện thi công, vị trí đầu nối nguồn điện thi công;</li> <li>- Mặt bằng cấp nước sinh hoạt và thi công, vị trí đầu nối nguồn nước;</li> <li>- Có thể hiện hướng di chuyển máy móc thiết bị, vật liệu trong công trường; thể hiện vị trí bãi tập kết vật tư để thi công; bãi tập kết thiết bị xe máy đảm bảo an toàn trong thi công. Thể hiện được vị trí cổng ra vào công trình;</li> </ul> <p>d) Giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công.</p> | <p>Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.</p>                                                         | Đạt       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <p>Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng hoặc không có thuyết minh hoặc không có bản vẽ.</p> | Không đạt |
| <p>Giải pháp kỹ thuật về các công tác thi công xây dựng các hạng mục của công trình;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải pháp kỹ thuật về kế hoạch tổ chức cung cấp hàng hóa, thiết bị.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <p>- Có trình bày giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng;</p>                                             | Đạt       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <p>Có trình bày giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng hoặc không có trình bày</p>            | Không đạt |
| <p>Giải pháp kỹ thuật về công tác ra vào cổng để đảm bảo tính an toàn, nghiêm trang của Bệnh viện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủ tục khai báo, xuất trình giấy tờ, xin cấp phép ra vào (nếu có).</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <p>Có trình bày giải pháp kỹ thuật hợp lý và phù hợp</p>                                                                                                                                   | Đạt       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <p>Có trình bày giải pháp kỹ thuật nhưng một vài điểm không hợp lý, không phù</p>                                                                                                          | Không đạt |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                            |           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủ tục ra vào của cán bộ của nhà thầu, cán bộ kỹ thuật, nhân công,...</li> <li>- Thủ tục vận chuyển ra vào hàng hóa – vật tư – thiết bị</li> <li>- Quản lý con người trong công trình thi công.</li> <li>- Nhà thầu có cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các thủ tục, quy định của Bệnh viện và pháp luật hiện hành; Cam kết chịu mọi trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật hiện hành nếu để xảy ra những ảnh hưởng đến Bệnh viện do lỗi của mình; Cam kết không gây rối, gây mất trật tự,... (trường hợp không được ra vào do chưa thực hiện đúng thủ tục của Bệnh viện)</li> </ul> | hợp hoặc không có trình bày                                                                                |           |
| Quan hệ giữa nhà thầu và các đơn vị có liên quan:<br>(1) Quan hệ với Chủ đầu tư.<br>(2) Quan hệ với các đơn vị tư vấn (thiết kế, quản lý dự án (nếu có), tư vấn giám sát).<br>(3) Quan hệ với cơ quan ban ngành và chính quyền địa phương.<br>(4) Quan hệ với các đơn vị, cơ quan có liên quan đến triển khai công trình (nếu có).                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Có trình bày giải pháp kỹ thuật phối hợp với các đơn vị hợp lý, phù hợp với thực tế công trình             | Đạt       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Có trình bày giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với thực tế công trình hoặc không có trình bày | Không đạt |
| Kết luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Cả 4 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.                                                         | Đạt       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.                                                       | Không đạt |

- Yêu cầu về Biện pháp tổ chức thi công:

| Nội dung yêu cầu                                                                | Mức độ đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |           |
|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| Bảo đảm an toàn thi công: Lắp dựng giàn giáo, lan can an toàn, lưới an toàn,... | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đề xuất về biện pháp thi công đầy đủ, phù hợp với điều kiện, tiến độ thi công công trình xây dựng (bao gồm thuyết minh và bản vẽ);</li> <li>- Có đề xuất cách bố trí thi công lắp đặt giàn giáo mặt ngoài phù hợp với điều kiện, hồ sơ thiết kế và khối lượng công việc của gói thầu.</li> </ul> | Đạt       |
|                                                                                 | Không đề xuất hoặc đề xuất biện pháp thi công không đầy đủ, phù hợp với điều kiện, tiến độ thi công công trình xây dựng hoặc không có thuyết minh hoặc không có bản vẽ                                                                                                                                                                       | Không đạt |
| Biện pháp thi công chi tiết cho từng công tác thi công của công trình           | Có đề xuất về biện pháp thi công chi tiết đầy đủ, phù hợp với điều kiện, tiến độ thi công công trình xây dựng (bao gồm thuyết minh và bản vẽ)                                                                                                                                                                                                | Đạt       |
|                                                                                 | Không đề xuất hoặc đề xuất biện pháp thi công                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Không     |

|                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                              |                  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
|                                                                                                                                                                                                                                    | không chi tiết, đầy đủ, phù hợp với điều kiện, tiến độ thi công công trình xây dựng hoặc Không có thuyết minh hoặc không có bản vẽ                                                                                                                           | Đạt              |
| Biện pháp thi công chi tiết cho từng công tác lắp đặt thiết bị vào công trình                                                                                                                                                      | Có đề xuất về biện pháp lắp đặt chi tiết đầy đủ, phù hợp với điều kiện, tiến độ thi công công trình xây dựng (bao gồm thuyết minh và bản vẽ)                                                                                                                 | Đạt              |
|                                                                                                                                                                                                                                    | Không đề xuất hoặc đề xuất biện pháp thi công lắp đặt không chi tiết, đầy đủ, phù hợp với điều kiện, tiến độ thi công công trình xây dựng hoặc Không có thuyết minh hoặc không có bản vẽ                                                                     | Không đạt        |
| Biện pháp phối hợp giữa các hạng mục công việc để quá trình tổ chức thi công triển khai một cách có trình tự và khoa học                                                                                                           | Có đề xuất về biện pháp phối hợp giữa các hạng mục công việc đầy đủ, phù hợp với điều kiện, tiến độ thi công công trình xây dựng                                                                                                                             | Đạt              |
|                                                                                                                                                                                                                                    | Không đề xuất hoặc đề xuất biện pháp phối hợp giữa các hạng mục công việc không chi tiết, đầy đủ, phù hợp với điều kiện, tiến độ thi công công trình xây dựng                                                                                                | Không đạt        |
| Biện pháp tổ chức thi công tổng thể công trình không bị ảnh hưởng đến hoạt động khám chữa bệnh, nghỉ ngơi, sinh hoạt của bệnh nhân, đội ngũ y bác sĩ và các cá nhân đang làm việc tại Bệnh viện, đảm bảo vẫn hoạt động bình thường | Có đề xuất biện pháp tổ chức thi công tổng thể đầy đủ, phù hợp với điều kiện, tiến độ thi công công trình xây dựng đáp ứng yêu cầu                                                                                                                           | Đạt              |
|                                                                                                                                                                                                                                    | Không đề xuất hoặc đề xuất biện pháp thi công tổng thể không đầy đủ, phù hợp với điều kiện, tiến độ thi công công trình xây dựng, không đáp ứng yêu cầu                                                                                                      | Không đạt        |
| Chuẩn bị về kho bãi tập kết vật tư, vật liệu, xe máy phục vụ thi công công trình                                                                                                                                                   | Có đề xuất cụ thể về kho bãi tập kết vật tư, bãi tập kết xe máy phục vụ cho công trình hợp lý, phù hợp với biện pháp thi công, tiến độ thi công của nhà thầu và hiện trạng công trình xây dựng, phù hợp với thiết kế của công trình và vị trí của công trình | Đạt              |
|                                                                                                                                                                                                                                    | Không đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không đáp ứng các yêu cầu trên                                                                                                                                                                                           | Không đạt        |
| <b>Kết luận</b>                                                                                                                                                                                                                    | Cả 6 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.                                                                                                                                                                                                           | <b>Đạt</b>       |
|                                                                                                                                                                                                                                    | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.                                                                                                                                                                                                         | <b>Không đạt</b> |

- Yêu cầu về Tiến độ thi công:

| Nội dung yêu cầu                                | Mức độ đáp ứng                                                                                 |
|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Biểu đồ tiến độ thi công chi tiết từng hạng mục | Có Biểu đồ tiến độ thi công chi tiết từng hạng mục công việc hợp lý, khả thi và phù hợp với đề |
|                                                 | Đạt                                                                                            |

|                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                  |
|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| công việc hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật | xuất kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                  |
|                                                        | Không có Biểu đồ tiến độ thi công hoặc có Biểu đồ tiến độ thi công nhưng không đầy đủ hạng mục công việc hoặc không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Không đạt        |
| Nhân sự và thiết bị sẵn sàng thực hiện cho gói thầu    | Có cam kết những thiết bị thi công do nhà thầu đề xuất có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu; Nhà thầu cam kết không kê khai những thiết bị đã huy động cho gói thầu khác có thời gian huy động trùng với thời gian thực hiện gói thầu này. Có cam kết những nhân sự chủ chốt nhà thầu đề xuất có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu; Nhà thầu cam kết không kê khai những nhân sự đã huy động cho gói thầu khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này. | Đạt              |
|                                                        | Không đáp ứng các yêu cầu trên.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Không đạt        |
| <b>Kết luận</b>                                        | Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>Đạt</b>       |
|                                                        | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>Không đạt</b> |

- Yêu cầu về Biện pháp bảo đảm chất lượng:

| Nội dung yêu cầu                                                 | Mức độ đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |           |
|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| Sơ đồ Quy trình quản lý chất lượng và bộ phận quản lý chất lượng | - Có sơ đồ quản lý chất lượng rõ ràng, hợp lý.<br>- Có thuyết minh quyền hạn và nghĩa vụ của bộ phận quản lý chất lượng rõ ràng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Đạt       |
|                                                                  | - Không có sơ đồ quản lý chất lượng rõ ràng, hợp lý.<br>- Không có thuyết minh quyền hạn và nghĩa vụ của bộ phận quản lý chất lượng rõ ràng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Không đạt |
| Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường            | - Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, mô tả rõ trách nhiệm, quyền hạn trách nhiệm của từng bộ phận, vị trí công việc từng cán bộ chủ chốt, và tổ đội thi công (Có đề xuất bố trí rõ số lượng công nhân kỹ thuật có ngành nghề phù hợp với từng nội dung công việc của gói thầu, cam kết các công nhân này phải được đào tạo về an toàn lao động và PCCC).<br>- Có sơ đồ, mô tả đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn của từng cán bộ chủ chốt, và tổ đội thi công theo yêu cầu của HSMT. Thuyết minh sơ đồ phải có đầy đủ các bộ phận, vị trí công việc. | Đạt       |
|                                                                  | - Không có sơ đồ quản lý và thuyết minh hoặc có                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Không     |

|                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|                                                                                                                    | những không đầy đủ hoặc chưa rõ ràng, hợp lý.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Đạt       |
| Biện pháp bảo đảm chất lượng cho từng công tác thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị của công trình                  | Có đầy đủ biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đạt       |
|                                                                                                                    | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không đầy đủ hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Không đạt |
| Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu, thiết bị đầu vào để phục vụ công tác thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đạt       |
|                                                                                                                    | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Không đạt |
| Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão                                                      | Có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão. Biện pháp hợp lý, khả thi phù hợp các quy định hiện hành và quy mô của gói thầu này                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Đạt       |
|                                                                                                                    | Không có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão hoặc có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão nhưng không hợp lý, không rõ ràng hoặc không đầy đủ theo yêu cầu của E-HSMT.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Không đạt |
| Sửa chữa hư hỏng, khắc phục các sự cố có thể xảy ra.                                                               | Có biện pháp sửa chữa hư hỏng, khắc phục các sự cố có thể xảy ra phù hợp các quy định hiện hành và quy mô của gói thầu này                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Đạt       |
|                                                                                                                    | Không có biện pháp sửa chữa hư hỏng, khắc phục các sự cố có thể xảy ra hoặc có biện pháp sửa chữa hư hỏng, khắc phục các sự cố có thể xảy ra nhưng không hợp lý, không rõ ràng hoặc không đầy đủ theo yêu cầu của E-HSMT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Không đạt |
| Hệ thống chất lượng kiểm tra thí nghiệm vật tư, vật liệu đầu vào tại hiện trường.                                  | - Trường hợp nhà thầu có phòng thí nghiệm được công nhận (LASXD) thì phải cung cấp bản sao được chứng thực Quyết định công nhận LAS của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực và tài liệu chứng minh phòng thí nghiệm đủ danh mục thí nghiệm phù hợp với gói thầu.<br>- Trường hợp nhà thầu ký kết với đơn vị thí nghiệm khác thì phải cung cấp bản sao được chứng thực: Hợp đồng nguyên tắc; Quyết định công nhận LAS của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực và tài liệu chứng minh phòng thí nghiệm đủ danh mục thí nghiệm phù hợp với gói thầu | Đạt       |
|                                                                                                                    | Không đáp ứng các yêu cầu trên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Không     |

|                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                           |                  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
|                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                           | Đạt              |
| Biện pháp, quy trình quản lý tài liệu, Hồ sơ, bản vẽ hoàn công, nghiệm thu, thanh quyết toán                            | Có đầy đủ giải pháp hợp lý biện pháp, quy trình quản lý tài liệu: Hồ sơ, bản vẽ hoàn công, nghiệm thu, thanh quyết toán đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của gói thầu                             | Đạt              |
|                                                                                                                         | Không có hoặc không đầy đủ giải pháp, không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của gói thầu                                                                                                         | Không đạt        |
| Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công, duy trì thi công khi mất điện, đảm bảo thiết bị trên công trường hoạt động liên tục | Có đầy đủ biện pháp đảm bảo tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công                                                                            | Đạt              |
|                                                                                                                         | Không có biện pháp đảm bảo tiến độ thi công hoặc có biện pháp đảm bảo tiến độ thi công nhưng không đầy đủ hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Không đạt        |
| <b>Kết luận</b>                                                                                                         | Cả 9 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt                                                                                                                                         | <b>Đạt</b>       |
|                                                                                                                         | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt                                                                                                                                       | <b>Không đạt</b> |

- Yêu cầu về An toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

| Nội dung yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mức độ đáp ứng                                                                                                                                                                                  |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| An toàn giao thông:<br>- An toàn trong quá trình thi công, vận chuyển vật tư thiết bị trong và ngoài công trình.<br>- Đề xuất các nội dung an toàn giao thông có liên theo quy định hiện hành và thực tế của công trình.                                                                                                                                                                                                       | Có thuyết minh và bản vẽ biện pháp an toàn giao thông hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công                                                                         | Đạt       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Không có thuyết minh và bản vẽ biện pháp an toàn giao thông hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công                                  | Không đạt |
| An toàn lao động:<br>Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công:<br>- Chính sách về quản lý an toàn lao động;<br>- Sơ đồ tổ chức của bộ phận quản lý an toàn lao động, trách nhiệm của các tổ chức cá nhân có liên quan;<br>- Quy định về quy trình làm việc hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng hoặc định kỳ đối với các công việc có yêu cầu cụ thể đảm bảo an toàn lao động; | Có biện an toàn lao động (thuyết minh và bản vẽ minh họa) hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công                                                                     | Đạt       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công hoặc không có bản vẽ minh họa | Không đạt |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                             |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định về các biện pháp đảm bảo an toàn lao động cụ thể trên công trường;</li> <li>- Quy định về trang bị, cung cấp, quản lý và sử dụng các phương tiện bảo vệ cá nhân;</li> <li>- Quản lý sức khỏe và môi trường lao động;</li> <li>- Quy định về ứng phó với tình huống khẩn cấp.</li> </ul>                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                             |
| <p>Phòng cháy, chữa cháy:<br/>Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công gồm:</p> <p>a) Quy định, quy phạm, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành;</p> <p>b) Các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ, chống sét;</p> <p>c) Tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ.</p>                                                                                             | <p>Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy (thuyết minh và bản vẽ minh họa) hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công</p> <p>Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công hoặc không có bản vẽ minh họa</p>                | <p>Đạt</p> <p>Không đạt</p> |
| <p>Vệ sinh môi trường:<br/>Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công:</p> <p>a) Kiểm soát không gây ảnh hưởng, tác động đến các hoạt động của Bệnh viện;</p> <p>b) Kiểm soát tiếng ồn, rung, bụi và khói;</p> <p>c) Kiểm soát rò rỉ dầu mỡ;</p> <p>d) Kiểm soát rác thải, nhà vệ sinh của công nhân trên công trường.</p> <p>e) Trong quá trình triển khai thi công các hạng mục công trình.</p> | <p>Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường (thuyết minh và bản vẽ minh họa) hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công</p> <p>Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công hoặc không có bản vẽ minh họa</p> | <p>Đạt</p> <p>Không đạt</p> |
| <p><b>Kết luận</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <p>Cả 4 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <p><b>Đạt</b></p>           |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <p>Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <p><b>Không đạt</b></p>     |

- Yêu cầu về Bảo hành và uy tín của nhà thầu:

| Nội dung yêu cầu   | Mức độ đáp ứng                                |     |
|--------------------|-----------------------------------------------|-----|
| Thời gian bảo hành | Đối với hạng mục thi công xây lắp: Có đề xuất | Đạt |

|                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |           |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|                                                                           | thời gian bảo hành $\geq 12$ tháng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |           |
|                                                                           | Không có đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT                                                                                                                                                                                                                                                                              | Không đạt |
| Uy tín của nhà thầu:<br>Có Xác nhận của Ngân hàng và cam kết của nhà thầu | Có xác nhận của ngân hàng về việc xác nhận nhà thầu có mở tài khoản với ngân hàng và không có các khoản nợ quá hạn hoặc các khoản nợ mất khả năng chi trả cho ngân hàng tới ngày có thời điểm đóng thầu.<br>Kèm theo cam kết của nhà thầu về tài khoản xác nhận của ngân hàng được dùng để giao dịch với chủ đầu tư (nếu trường hợp nhà thầu trúng thầu). | Đạt       |
|                                                                           | Không đáp ứng các yêu cầu trên.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Không đạt |
| Kết luận                                                                  | Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đạt       |
|                                                                           | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Không đạt |

**3. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận đơn dự thầu, cách thức nhận đơn dự thầu:**

**a. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận đơn dự thầu**

Tổ Mua sắm, Đấu thầu và Quản lý dự án – Bệnh viện Thống Nhất.

- Email: [tms@bvtvn.org.vn](mailto:tms@bvtvn.org.vn)

- Số điện thoại: 028 3869 0277 – 214, 771

**b. Cách thức nhận đơn dự thầu**

- Gửi bản scan các tài liệu theo yêu cầu của thư mời chào giá; hoặc

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Văn phòng Tổ Mua sắm, Đấu thầu và Quản lý dự án, Bệnh viện Thống Nhất, Số 1 Lý Thường Kiệt, phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bằng thông báo này, Bệnh viện Thống Nhất kính mời Quý Nhà thầu tư vấn đủ điều kiện năng lực tham gia thực hiện. Nếu Quý Công ty đồng ý tham gia, đề nghị Quý Công ty gửi cho Bệnh viện Thống Nhất đơn dự thầu, kèm theo các tài liệu có liên quan theo yêu cầu trong thời gian **05** ngày kể từ ngày đăng tải thư mời.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đăng tải website Bệnh viện;
- Lưu: VT; TMS (D.2b).



**GIÁM ĐỐC**

**Lê Đình Thanh**



# BẢNG TIỀN LƯỢNG MỜI THẦU

(Đính kèm văn bản số 2405/BVTN-TMS ngày 12/11/2025)

CÔNG TRÌNH: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TƯƠNG ĐƯƠNG SINH HỌC VÀ THỬ NGHIỆM LÂM SÀNG  
THỐNG NHẤT

GÓI THẦU: XL-TB 01/TTSH XÂY LẬP VÀ THIẾT BỊ ĐI KÈM PHẦN XÂY LẬP

| Stt | Hạng mục công việc                                                                                  | Đơn vị tính | Khối lượng | Mô tả hàng hóa, hạng mục công việc | Yêu cầu về xuất xứ đối với hàng |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|------------------------------------|---------------------------------|
| A   | XÂY LẬP                                                                                             |             |            |                                    |                                 |
| I   | KẾT CẤU                                                                                             |             |            |                                    |                                 |
| 1   | Khoan tạo lỗ bê tông, cung cấp, lắp đặt bulon neo D16x215 bằng hóa chất chuyên dụng                 | bộ          | 40,0000    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 2   | Gia công cột bằng thép hình mạ kẽm                                                                  | tấn         | 0,6126     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 3   | Lắp dựng cột thép các loại                                                                          | tấn         | 0,6126     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 4   | Gia công vì kèo thép hộp mạ kẽm                                                                     | tấn         | 1,0783     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 5   | Lắp dựng vì kèo thép khẩu độ <= 18 m                                                                | tấn         | 1,0783     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 6   | Gia công giằng khung kèo mái bằng thép hộp mạ kẽm                                                   | tấn         | 0,7710     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 7   | Lắp dựng giằng thép                                                                                 | tấn         | 0,7710     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 8   | Gia công xà gồ thép hộp mạ kẽm                                                                      | tấn         | 1,3795     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 9   | Lắp dựng xà gồ thép                                                                                 | tấn         | 1,3795     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 10  | CCLD ty giằng xà gồ                                                                                 | thanh       | 40,0000    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 11  | Lợp mái tôn mạ màu dày 0.45mm, có lớp PU dày 18mm                                                   | 100m2       | 2,6098     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 12  | GCLD máng xối inox                                                                                  | m           | 48,4500    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 13  | CCLD diềm mái tôn, tôn úp nóc                                                                       | m           | 45,7450    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 14  | Gia công thang sắt                                                                                  | tấn         | 0,3716     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 15  | Lắp đặt cầu thang bằng sắt                                                                          | tấn         | 0,3716     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 16  | Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ                                              | m2          | 19,2400    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| II  | KIẾN TRÚC - HOÀN THIỆN                                                                              |             |            |                                    |                                 |
| 17  | Phá dỡ nền láng vữa xi măng                                                                         | m2          | 261,1225   | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 18  | Quét dung dịch chống sản nhà vệ sinh theo quy trình NSX                                             | m2          | 13,9500    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 19  | Láng nền tạo phẳng, chiều dày 2cm, vữa XM M75, PC40                                                 | m2          | 254,3625   | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 20  | Lát nền, sàn gạch poceland 600x600, vữa XM M75                                                      | m2          | 247,1725   | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 21  | Lát nền, sàn gạch chống trượt 300x600, vữa XM M75                                                   | m2          | 13,9500    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 22  | CCLD vách ngăn bằng tấm panel EPS dày 75mm                                                          | m2          | 450,9076   | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 23  | CCLD U nhôm mạ anode T75 (35*75*35) vách panel                                                      | m           | 426,0250   | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 24  | CCLD U tôn T75 (35*75*35) vách panel                                                                | m           | 162,3250   | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 25  | CCLD Thanh C nhôm mạ anode có chân sập (thanh nhôm phào lõm) vách panel                             | m           | 479,2750   | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 26  | CCLD Thanh nhôm để phào vách panel                                                                  | m           | 479,2750   | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 27  | CCLD Trụ bo góc ngoài nhôm mạ anode T50 vách panel                                                  | m           | 43,2000    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 28  | Miếng bo góc trong nhôm mạ anode; Miếng bo góc ngoài nhôm mạ anode; Miếng bo chân cửa nhôm mạ anode | miếng       | 216,0000   | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 29  | Thi công trần khung nổi, tấm thạch cao phủ nhựa 600x600                                             | m2          | 254,3625   | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 30  | Lát đá granite tự nhiên bậc cầu thang                                                               | m2          | 11,1600    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |

| Stt        | Hạng mục công việc                                                                                                                           | Đơn vị tính | Khối lượng | Mô tả hàng hóa, hạng mục công việc | Yêu cầu về xuất xứ đối với hàng |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|------------------------------------|---------------------------------|
| 31         | Gia công, lắp dựng lan can sắt, sơn dầu hoàn thiện                                                                                           | m2          | 5,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 32         | GCLD vách ngăn tấm compact nhà vệ sinh dày 12mm                                                                                              | m2          | 20,0200    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 33         | CCLD cửa đi một cánh mở quay tương đương hệ XINGFA, nhôm sơn tĩnh điện, trên kính cường lực dày 6mm, dưới lambri, đầy đủ phụ kiện, dán decal | m2          | 28,8200    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 34         | CCLD cửa đi hai cánh mở quay tương đương hệ XINGFA, nhôm sơn tĩnh điện, trên kính cường lực dày 6mm, dưới lambri, đầy đủ phụ kiện, dán decal | m2          | 8,8000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 35         | CCLD cửa sổ 4 cánh lùa tương đương hệ XINGFA, nhôm sơn tĩnh điện, kính cường lực dày 6mm, đầy đủ phụ kiện, dán decal                         | m2          | 8,6400     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 36         | CCLD cửa sổ 2 cánh lùa tương đương hệ XINGFA, nhôm sơn tĩnh điện, kính cường lực dày 6mm, đầy đủ phụ kiện, dán decal                         | m2          | 4,3200     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 37         | CCLD cửa sổ 1 cánh bật tương đương hệ XINGFA, nhôm sơn tĩnh điện, kính cường lực dày 6mm, đầy đủ phụ kiện, dán decal                         | m2          | 0,7200     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 38         | CCLD ô kính cố định, kính cường lực dày 8mm, đầy đủ phụ kiện                                                                                 | m2          | 2,8800     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 39         | CCLD cửa đi 2 cánh mở quay bản lề sàn, kính cường lực dày 10mm, đầy đủ phụ kiện, dán decal                                                   | m2          | 3,5200     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 40         | Lắp dựng dàn giáo ngoài, chiều cao <= 16 m                                                                                                   | 100m2       | 4,8427     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 41         | Bốc xếp vận chuyển phế thải các loại                                                                                                         | m3          | 7,8338     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 42         | Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 2,5T                                                                                     | m3          | 7,8338     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 43         | Vận chuyển phế thải tiếp 15km bằng ô tô - 2,5T                                                                                               | m3          | 7,8338     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| <b>III</b> | <b>HỆ THỐNG ĐIỆN</b>                                                                                                                         |             |            |                                    |                                 |
|            | TỦ ĐIỆN                                                                                                                                      |             |            |                                    |                                 |
| 44         | CCLĐ MCCB 3P 100A 18KA                                                                                                                       | cái         | 2,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 45         | CCLĐ Pilot light LED 220VAC/DC - RED                                                                                                         | cái         | 2,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 46         | CCLĐ Pilot light LED 220VAC/DC - YELLOW                                                                                                      | cái         | 2,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 47         | CCLĐ Pilot light LED 220VAC/DC - GREEN                                                                                                       | cái         | 2,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 48         | CCLĐ Cầu chì 1P 6A + Đế                                                                                                                      | bộ          | 6,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 49         | CCLĐ MCB 1P 32A 6kA                                                                                                                          | cái         | 2,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 50         | CCLĐ MCB 1P 25A 6kA                                                                                                                          | cái         | 16,0000    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 51         | CCLĐ MCB 1P 16A 6kA                                                                                                                          | cái         | 2,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 52         | CCLĐ MCB 1P 10A 6kA                                                                                                                          | cái         | 5,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 53         | CCLĐ RCBO 1P+N 20A 6kA 30mA                                                                                                                  | cái         | 15,0000    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 54         | CCLĐ Enclosure<br>H1200xW800xD250mmxT1.5mm,<br>IP42, INDOOR + Busbar Systems,<br>Power & Control Wire + Accessories & Labor                  | tủ          | 1,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |

| Stt | Hạng mục công việc                                                                                                                                                       | Đơn vị tính | Khối lượng | Mô tả hàng hóa, hạng mục công việc | Yêu cầu về xuất xứ đối với hàng |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|------------------------------------|---------------------------------|
| 55  | CCLĐ Chống sét lan truyền 3 pha lắp song song (8/20 $\mu$ s): 80kA/mode, 160kA/pha,(10/350 $\mu$ s): 20kA/mode, 40kA/pha, Ta <5ns, stereo jack, IP66, SCCR 200KAms, MCB. | bộ          | 1,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
|     | CÁP ĐIỆN, THIẾT BỊ                                                                                                                                                       |             |            | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 56  | CCLĐ Cáp CXV 4Cx35mm <sup>2</sup>                                                                                                                                        | m           | 55,0000    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 57  | CCLĐ Cáp CV 1Cx16mm <sup>2</sup>                                                                                                                                         | m           | 112,0000   | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 58  | CCLĐ Cáp CV 1Cx4mm <sup>2</sup>                                                                                                                                          | m           | 1.324,0000 | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 59  | CCLĐ Cáp CV 1Cx2,5mm <sup>2</sup>                                                                                                                                        | m           | 468,0000   | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 60  | CCLĐ Cáp CV 1Cx1,5mm <sup>2</sup>                                                                                                                                        | m           | 918,0000   | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 61  | CCLĐ Ống luồn dây điện cứng PVC D20                                                                                                                                      | m           | 910,0000   | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 62  | CCLĐ Ống luồn dây điện HDPE D85/65                                                                                                                                       | m           | 50,0000    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 63  | CCLĐ Đèn led downlight âm trần 12W                                                                                                                                       | bộ          | 8,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 64  | CCLĐ Đèn led tube đơn gắn áp trần, tường 1x20W-1,2m, máng chống thấm nước                                                                                                | bộ          | 5,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 65  | CCLĐ Đèn led panel 600x600, bóng led 36W                                                                                                                                 | bộ          | 52,0000    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 66  | CCLĐ Đèn led gắn áp tường 12W.                                                                                                                                           | bộ          | 3,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 67  | CCLĐ Hộp box 4 ngã Ø20                                                                                                                                                   | hộp         | 150,0000   | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 68  | CCLĐ Công tắc 1 chiều 10A                                                                                                                                                | cái         | 33,0000    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 69  | CCLĐ Công tắc 2 chiều 10A                                                                                                                                                | cái         | 8,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 70  | CCLĐ Mặt công tắc loại 1 lỗ cho thiết bị                                                                                                                                 | cái         | 4,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 71  | CCLĐ Mặt công tắc loại 2 lỗ cho thiết bị, loại chống nước                                                                                                                | cái         | 2,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 72  | CCLĐ Mặt công tắc loại 2 lỗ cho thiết bị                                                                                                                                 | cái         | 8,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 73  | CCLĐ Mặt công tắc loại 3 lỗ cho thiết bị                                                                                                                                 | cái         | 4,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 74  | CCLĐ Mặt công tắc loại 4 lỗ cho thiết bị                                                                                                                                 | cái         | 1,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 75  | CCLĐ Ổ cắm điện đôi, 3 cực, 16A-220V                                                                                                                                     | cái         | 77,0000    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 76  | CCLĐ Đế nối thấp                                                                                                                                                         | hộp         | 96,0000    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 77  | CCLĐ Máng cáp kim loại 150x100 x1.2mm có nắp                                                                                                                             | m           | 23,0000    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
|     | CÁP NGUỒN MÁY LẠNH                                                                                                                                                       |             |            | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 78  | CCLĐ Cáp CV 1Cx2,5mm <sup>2</sup>                                                                                                                                        | m           | 1.385,0000 | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 79  | CCLĐ Ống luồn dây điện cứng PVC D20                                                                                                                                      | m           | 415,0000   | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| IV  | <b>HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY</b>                                                                                                                                               |             |            |                                    |                                 |
| 80  | CCLĐ Đầu báo khói                                                                                                                                                        | 10 đầu      | 2,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 81  | CCLĐ Nút nhấn khẩn                                                                                                                                                       | 5 nút       | 0,1000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 82  | CCLĐ Còi báo cháy + đèn báo                                                                                                                                              | 5 đèn       | 0,1000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 83  | CCLĐ Điện trở cuối tuyến                                                                                                                                                 | bộ          | 1,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 84  | CCLĐ Dây cáp báo cháy chống cháy chống nhiễu 2x1,0mm <sup>2</sup>                                                                                                        | m           | 200,0000   | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 85  | CCLĐ Dây cáp báo cháy chống cháy chống nhiễu 2x1,5mm <sup>2</sup>                                                                                                        | m           | 100,0000   | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 86  | Lắp đặt Đèn EMERGENCY - LED 2x1W                                                                                                                                         | 5 đèn       | 2,2000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 87  | Lắp đặt Đèn Exit - LED 1x3W                                                                                                                                              | 5 đèn       | 0,8000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 88  | Lắp đặt Cáp CXV/FR 2Cx2,5mm <sup>2</sup>                                                                                                                                 | m           | 100,0000   | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 89  | CCLĐ Ống luồn dây điện PVC D20                                                                                                                                           | m           | 130,0000   | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 90  | CCLĐ Hộp box chia 2 - 3 ngã PVC D20                                                                                                                                      | hộp         | 35,0000    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |

| Stt       | Hạng mục công việc                                                                      | Đơn vị tính | Khối lượng | Mô tả hàng hóa, hạng mục công việc | Yêu cầu về xuất xứ đối với hàng |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|------------------------------------|---------------------------------|
| <b>V</b>  | <b>THÔNG TIN LIÊN LẠC</b>                                                               |             |            |                                    |                                 |
| 91        | Cáp quang 08 lõi                                                                        | m           | 50,0000    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 92        | Cáp mạng CAT6 LSZH                                                                      | m           | 580,0000   | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 93        | Mặt ổ cắm 1 port + để nổi                                                               | cái         | 6,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 94        | Mặt ổ cắm 2 port + để nổi                                                               | cái         | 10,0000    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 95        | Ổ cắm mạng, điện thoại, tivi RJ45                                                       | cái         | 26,0000    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 96        | CCLĐ Ống luồn dây điện PVC D20                                                          | m           | 230,0000   | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 97        | Máng cáp kim loại 100x100 x1.2mm có nắp                                                 | m           | 23,0000    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 98        | Lắp đặt các thiết bị trong tủ rack, cài đặt, đấu nối vào hệ thống chung của Bệnh viện   | hệ thống    | 1,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| <b>VI</b> | <b>CẤP THOÁT NƯỚC</b>                                                                   |             |            |                                    |                                 |
| 99        | Chậu rửa inox đôi có chân, vòi rửa, bộ xả, van góc                                      | bộ          | 2,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 100       | Chậu rửa inox đơn có chân, vòi rửa, bộ xả, van góc                                      | bộ          | 1,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 101       | Xí bệt, thùng nước, van góc 2 ngã                                                       | bộ          | 3,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 102       | Vòi xịt vệ sinh                                                                         | cái         | 3,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 103       | Lavabo loại có chân, vòi rửa lạnh nhấn tự động ngắt, bộ xả, van góc                     | bộ          | 4,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 104       | Dây cấp nước 4 tắc                                                                      | cái         | 7,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 105       | Hộp đựng giấy vệ sinh                                                                   | cái         | 3,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 106       | Vòi tắm hương sen                                                                       | bộ          | 2,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 107       | Lắp đặt gương soi, kệ kính                                                              | cái         | 4,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 108       | Ống PPr D25 - PN10                                                                      | 100m        | 0,3570     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 109       | Ống PPr D32 - PN10                                                                      | 100m        | 0,4540     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 110       | Co ren trong PPr D25×1/2                                                                | cái         | 13,0000    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 111       | Co PPr D25                                                                              | cái         | 17,0000    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 112       | Co PPr D32                                                                              | cái         | 6,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 113       | Côn giảm PPr D32×25                                                                     | cái         | 5,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 114       | Tê PPr D25×25                                                                           | cái         | 2,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 115       | Tê PPr D32×25                                                                           | cái         | 6,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 116       | Tê PPr D32×32                                                                           | cái         | 4,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 117       | Khoan rút lõi xuyên qua bê tông để lắp đặt đường ống cấp, thoát nước các loại D42-D125, | 0           | 32,0000    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 118       | Ống uPVC D42 - PN9                                                                      | 100m        | 0,0900     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 119       | Ống uPVC D60 - PN9                                                                      | 100m        | 0,5300     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 120       | Ống uPVC D90 - PN9                                                                      | 100m        | 0,1500     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 121       | Ống uPVC D114 - PN9                                                                     | 100m        | 0,7120     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 122       | Ống uPVC D168 - PN9                                                                     | 100m        | 0,2000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 123       | Co uPVC D42                                                                             | cái         | 8,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 124       | Co uPVC D60                                                                             | cái         | 12,0000    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 125       | Co uPVC D114                                                                            | cái         | 9,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 126       | Con thò uPVC                                                                            | cái         | 5,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 127       | Côn Giảm uPVC D42×60                                                                    | cái         | 2,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 128       | Côn Giảm uPVC D60×42                                                                    | cái         | 4,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 129       | Côn Giảm uPVC D60×90                                                                    | cái         | 3,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 130       | Côn Giảm uPVC D60×110                                                                   | cái         | 1,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 131       | Cầu chắn rác D114                                                                       | cái         | 13,0000    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 132       | Lợi uPVC D42                                                                            | cái         | 15,0000    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 133       | Lợi uPVC D60                                                                            | cái         | 13,0000    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 134       | Lợi uPVC D90                                                                            | cái         | 8,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 135       | Lợi uPVC D114                                                                           | cái         | 26,0000    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 136       | Phễu thu sàn D60                                                                        | cái         | 5,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 137       | Thông tắc uPVC D60                                                                      | cái         | 1,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 138       | Thông tắc uPVC D90                                                                      | cái         | 1,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 139       | Tê uPVC D60×60                                                                          | cái         | 3,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 140       | Tê uPVC D90×60                                                                          | cái         | 1,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |

| Stt | Hạng mục công việc                                                                                 | Đơn vị tính | Khối lượng | Mô tả hàng hóa, hạng mục công việc | Yêu cầu về xuất xứ đối với hàng |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|------------------------------------|---------------------------------|
| 141 | Tê uPVC D110×60                                                                                    | cái         | 1,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 142 | Y uPVC D60×42                                                                                      | cái         | 2,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 143 | Y uPVC D60×60                                                                                      | cái         | 3,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 144 | Y uPVC D90×60                                                                                      | cái         | 8,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 145 | Y uPVC D90×90                                                                                      | cái         | 3,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 146 | Y uPVC D110×110                                                                                    | cái         | 4,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
|     | BỂ TỰ HOẠI                                                                                         |             |            |                                    |                                 |
| 147 | Đào đất bể tự hoại                                                                                 | m3          | 13,7340    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 148 | Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót bể tự hoại, đá 1x2, vữa mác 150, PC40               | m3          | 0,7000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 149 | Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép bể tự hoại, đường kính cốt thép <= 10mm              | tấn         | 0,1360     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 150 | Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông bể tự hoại, chiều rộng <= 250 cm, đá 1x2, mác 250, PC40 | m3          | 0,7560     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 151 | Xây gạch 4x8x19, xây tường chiều dày <= 30cm, vữa XM mác 75, PC40                                  | m3          | 2,6240     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 152 | Xây gạch 4x8x19, xây tường chiều dày <= 10cm, vữa XM mác 75, PC40                                  | m3          | 0,3360     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 153 | Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công - sản xuất bằng máy trộn. Bê tông nắp bể, đá 1x2, mác 250, PC40   | m3          | 0,5040     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 154 | Trát tường, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75, PC40                                              | m2          | 29,2450    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| VII | ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ - THÔNG GIÓ                                                                     |             |            |                                    |                                 |
|     | HỆ THỐNG GIÓ TƯƠI VÀ GIÓ THẢI                                                                      |             |            |                                    |                                 |
| 155 | CCLĐ Quạt gió tươi: 900CMH @ 150Pa                                                                 | cái         | 1,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 156 | CCLĐ Quạt gió tươi: 600CMH @ 150Pa                                                                 | cái         | 1,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 157 | CCLĐ Quạt gió thải: 1050CMH @ 150Pa                                                                | cái         | 1,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 158 | CCLĐ Quạt gió thải: 400CMH @ 150Pa                                                                 | cái         | 1,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 159 | Cửa gió: FAL-400x250mm + LCCT + box                                                                | cái         | 1,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 160 | Cửa gió: FAL-600x250mm + LCCT + box                                                                | cái         | 2,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 161 | CCLĐ Miệng gió hồi 200x200+obd + box                                                               | cái         | 6,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 162 | CCLĐ Miệng gió hồi 300x300+obd + box                                                               | cái         | 7,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 163 | CCLĐ Miệng gió cấp 300x300+obd + box                                                               | cái         | 4,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 164 | Côn chuyển vuông tròn kết nối quạt                                                                 | cái         | 8,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 165 | CCLĐ Tole tráng kẽm 0.58mm :250x250mm                                                              | m           | 9,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 166 | CCLĐ Tole tráng kẽm 0.58mm :200x200mm                                                              | m           | 22,0000    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 167 | CCLĐ Tole tráng kẽm 0.58mm :150x150mm                                                              | m           | 18,0000    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 168 | CCLĐ ống mềm không cách nhiệt D150                                                                 | m           | 24,0000    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 169 | CCLĐ ống mềm không cách nhiệt D200                                                                 | m           | 6,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |

| Stt      | Hạng mục công việc                                                                                                                   | Đơn vị tính | Khối lượng | Mô tả hàng hóa, hạng mục công việc | Yêu cầu về xuất xứ đối với hàng |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|------------------------------------|---------------------------------|
| 170      | CCLĐ phụ kiện ống gió hệ thống gió tươi, gió thải ( Co, tê, gót giầy..)                                                              | lô          | 1,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
|          | HỆ THỐNG ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ HAI MÀN                                                                                                  |             |            |                                    |                                 |
|          | Thiết bị điều hòa không khí                                                                                                          |             |            |                                    |                                 |
| 171      | LĐ Máy lạnh 2 cục loại treo tường - CSL: 2.7Kw                                                                                       | máy         | 3,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 172      | LĐ Máy lạnh 2 cục loại treo tường - CSL: 3.6Kw                                                                                       | máy         | 4,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 173      | LĐ Máy lạnh 2 cục loại Cassette - CSL: 4.0Kw                                                                                         | máy         | 2,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 174      | LĐ Máy lạnh 2 cục loại Cassette - CSL: 5.0Kw                                                                                         | máy         | 3,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 175      | LĐ Máy lạnh 2 cục loại Cassette - CSL: 12.5Kw                                                                                        | máy         | 2,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
|          | Hệ thống đường ống gas                                                                                                               |             |            |                                    |                                 |
| 176      | CCLĐ Ống đồng D6.4mm, dày 0.8mm - Loại O                                                                                             | 100m        | 0,9700     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 177      | CCLĐ Ống đồng D9.5mm, dày 0.8mm - Loại O                                                                                             | 100m        | 0,9000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 178      | CCLĐ Ống đồng D12.7mm, dày 0.8mm - Loại O                                                                                            | 100m        | 0,3600     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 179      | CCLĐ Ống đồng D15.9mm, dày 0.8mm - Loại O                                                                                            | 100m        | 0,3000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 180      | CCLĐ Cách nhiệt ống đồng D6.4mm, dày 19mm Cao su lưu hóa, Hệ số dẫn nhiệt $\leq 0.036\text{W/m.K}$ ở $23^{\circ}\text{C}$ , Class 0  | 100m        | 0,9700     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 181      | CCLĐ Cách nhiệt ống đồng D9.5mm, dày 19mm Cao su lưu hóa, Hệ số dẫn nhiệt $\leq 0.036\text{W/m.K}$ ở $23^{\circ}\text{C}$ , Class 0  | 100m        | 0,9000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 182      | CCLĐ Cách nhiệt ống đồng D12.7mm, dày 19mm Cao su lưu hóa, Hệ số dẫn nhiệt $\leq 0.036\text{W/m.K}$ ở $23^{\circ}\text{C}$ , Class 0 | 100m        | 0,3600     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 183      | CCLĐ Cách nhiệt ống đồng D15.9mm, dày 19mm Cao su lưu hóa, Hệ số dẫn nhiệt $\leq 0.036\text{W/m.K}$ ở $23^{\circ}\text{C}$ , Class 0 | 100m        | 0,3000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
|          | Hệ thống đường ống xả                                                                                                                |             |            |                                    |                                 |
| 184      | Ống PVC D21mm, dày 1,7mm                                                                                                             | 100m        | 0,6700     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 185      | Ống PVC D27mm, dày 1,9mm                                                                                                             | 100m        | 0,8000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 186      | Ống PVC D34mm, dày 2,2mm                                                                                                             | 100m        | 0,2100     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 187      | Ống PVC D42mm, dày 2,2 mm                                                                                                            | 100m        | 0,2000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 188      | Cách nhiệt ống nước D21mm, dày 13mm - Class 0                                                                                        | 100m        | 0,6700     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 189      | Cách nhiệt ống nước D27mm, dày 13mm - Class 0                                                                                        | 100m        | 0,8000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 190      | Cách nhiệt ống nước D34mm, dày 13mm - Class 0                                                                                        | 100m        | 0,2100     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 191      | Cách nhiệt ống nước D42mm, dày 13mm - Class 0                                                                                        | 100m        | 0,2000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 192      | Hệ thống điện điều khiển                                                                                                             |             |            |                                    |                                 |
| 193      | CCLĐ Cáp CV 4x1Cx2.5mm <sup>2</sup>                                                                                                  | m           | 144,0000   | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 194      | CCLĐ Ống mềm luồn dây D20                                                                                                            | m           | 144,0000   | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| <b>B</b> | <b>THIẾT BỊ ĐI KÈM PHẦN XÂY DỰNG</b>                                                                                                 |             |            |                                    |                                 |
| <b>I</b> | <b>HỆ THỐNG CHỮA CHÁY</b>                                                                                                            |             |            |                                    |                                 |
| 195      | Bảng nội quy tiêu lệnh                                                                                                               | cái         | 3,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 196      | Bình chữa cháy ABC 8kg                                                                                                               | cái         | 3,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 197      | Bình chữa cháy CO2 5kg                                                                                                               | cái         | 3,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |

| Stt        | Hạng mục công việc                                          | Đơn vị tính | Khối lượng | Mô tả hàng hóa, hạng mục công việc | Yêu cầu về xuất xứ đối với hàng |
|------------|-------------------------------------------------------------|-------------|------------|------------------------------------|---------------------------------|
| 198        | Giá đỡ bình chữa cháy                                       | cái         | 3,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 199        | Tủ dụng cụ phá dỡ thô sơ<br>(1000x500x250)mm tole dày 1,5ly | cái         | 1,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| <b>II</b>  | <b>HỆ THỐNG THÔNG TIN LIÊN LẠC</b>                          |             |            |                                    |                                 |
| 200        | Module quang 1G                                             | cái         | 2,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 201        | Dây nhảy quang MM SC-LC 2M                                  | cái         | 1,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 202        | Bộ lưu điện UPS 1KVA                                        | cái         | 1,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 203        | Tủ 12U sâu 600mm                                            | Tủ          | 1,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 204        | Switch 48 port                                              | cái         | 1,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 205        | Patch panel 24 port Cat6                                    | cái         | 2,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 206        | Access point                                                | cái         | 2,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 207        | ODF 08 port MM                                              | cái         | 1,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 208        | Dây nhảy CAT6 3M                                            | Sợi         | 48,0000    | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 209        | Thanh quản lý cáp PDU 6 port                                | cái         | 2,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| <b>III</b> | <b>THIẾT BỊ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ HAI MẠNH</b>                 |             |            |                                    |                                 |
| 210        | Máy lạnh 2 cục loại Cassette - CSL:<br>4.0Kw                | Bộ          | 2,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 211        | Máy lạnh 2 cục loại Cassette - CSL:<br>5.0Kw                | Bộ          | 3,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |
| 212        | Máy lạnh 2 cục loại Cassette - CSL:<br>12.5Kw               | Bộ          | 2,0000     | Theo hồ sơ thiết kế                |                                 |

